

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **51** /2025/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày **30** tháng **6** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;
Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;
Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy;
Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;
Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;
Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 4330/TTr-SGDĐT ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng (sau đây viết tắt là Sở) là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Giáo dục mầm non; giáo dục phổ thông; giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên; giáo dục đại học và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Về xây dựng kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, chính sách phát triển giáo dục

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, thực hiện chính sách phát triển giáo dục trên địa bàn thành phố phù hợp với chiến lược phát triển giáo dục quốc gia và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

b) Tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định, chỉ thị, kế hoạch và các văn bản khác về lĩnh vực giáo dục.

2. Về cơ sở vật chất cho giáo dục

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện huy động các nguồn lực để phát triển giáo dục, bảo đảm quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục trực thuộc; tài sản, cơ sở vật chất được giao theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm giải trình về hoạt động giáo dục, chất lượng giáo dục, quản lý nhà giáo và người học, thực hiện chính sách phát triển giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý trước Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện quy hoạch phát triển hệ thống giáo dục, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, nguồn lực, kinh phí để đảm bảo các điều kiện tổ chức dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giáo dục trên địa bàn theo thẩm quyền quy định.

3. Về tài chính cho giáo dục thuộc phạm vi quản lý nhà nước của địa phương

a) Tham mưu trình cấp có thẩm quyền quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục

đối với các cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý nhà nước của thành phố theo quy định của pháp luật;

b) Xây dựng dự toán ngân sách giáo dục, quyết định phân bổ, giao dự toán ngân sách đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; duyệt quyết toán, thông báo quyết toán năm và tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách của các cơ sở giáo dục trực thuộc; phối hợp với Sở Tài chính xác định, cân đối ngân sách nhà nước chi cho giáo dục hằng năm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của địa phương trình cấp có thẩm quyền. Chịu trách nhiệm chi trả (hoặc ủy quyền cho cơ sở giáo dục chi trả), quyết toán kinh phí miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí theo quy định của pháp luật.

4. Về đội ngũ công chức, nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức và người lao động

a) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định vị trí việc làm, biên chế công chức của Sở theo quy định của pháp luật;

b) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định vị trí việc làm, tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc thẩm quyền quản lý của thành phố theo quy định của pháp luật;

c) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành đề án, kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức, người lao động trong các cơ sở giáo dục;

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố các chính sách đặc thù đối với đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức, người lao động trong các cơ sở giáo dục công lập;

e) Thực hiện tuyển dụng, quản lý, sử dụng, bổ nhiệm, thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thay đổi chức danh nghề nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá đối với đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức và người lao động trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố theo quy định; chủ trì triển khai thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý các cơ sở giáo dục ngoài công lập trên địa bàn thành phố theo quy định;

f) Bảo đảm đủ biên chế công chức quản lý giáo dục, đủ số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước, số lượng hợp đồng lao động theo đề án vị trí việc làm được phê duyệt, đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, chịu trách nhiệm giải trình về hoạt động giáo dục, chất lượng giáo dục, quản lý đội ngũ viên chức, người lao động và người học, thực hiện chính sách phát triển giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý;

g) Tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập hội đồng trường, công nhận, bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch hội đồng trường, bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng trường; công nhận, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian công tác, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, thay đổi vị

trí việc làm, khen thưởng, kỷ luật đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường trung cấp, trường cao đẳng, trường cán bộ quản lý giáo dục trực thuộc thành phố theo tiêu chuẩn chức danh và thủ tục do pháp luật quy định;

h) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch hằng năm về số lượng người làm việc của Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ sở giáo dục trực thuộc, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; phân bổ số lượng người làm việc theo vị trí việc làm cho các cơ sở giáo dục trực thuộc theo quy định; hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chính sách đối với viên chức và người lao động tại các cơ sở giáo dục do Ủy ban nhân dân thành phố quản lý theo quy định.

5. Về nội dung, chương trình giáo dục

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố; công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ, xây dựng trường chuẩn quốc gia và xây dựng xã hội học tập trên địa bàn thành phố; hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ và đánh giá chất lượng giáo dục đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố;

b) Quản lý về chuyên môn đối với việc thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên của các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng, các trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên theo quy định. Chịu trách nhiệm giải trình về hoạt động giáo dục, chất lượng giáo dục, quản lý nhà giáo và người học, thực hiện chính sách phát triển giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý trước Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố và toàn xã hội;

c) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với người có chức danh theo dõi giáo dục thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

6. Về tổ chức hoạt động và quản lý cơ sở giáo dục

a) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định của Chính phủ;

b) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền việc thành lập, cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, tổ chức lại, sáp nhập, chia, tách, giải thể, chuyển đổi loại hình các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính Phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

c) Quyết định thành lập hội đồng trường, công nhận, bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch hội đồng trường, bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng trường và quyết định công nhận, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian công tác đến

tuổi nghỉ hưu, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, biệt phái, thay đổi vị trí việc làm, khen thưởng, kỷ luật đối với người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố; công nhận, không công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường, phó chủ tịch hội đồng trường, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng các cơ sở giáo dục tư thục thuộc thẩm quyền quản lý theo tiêu chuẩn chức danh và thủ tục do pháp luật quy định;

d) Tổ chức quản lý cơ sở giáo dục thường xuyên (trừ trung tâm học tập cộng đồng); cơ sở giáo dục nghề nghiệp; cơ sở giáo dục có cấp trung học phổ thông; cơ sở giáo dục chuyên biệt và các cơ sở giáo dục khác trên địa bàn;

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước trình Ủy ban nhân dân thành phố về giáo dục theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật;

f) Chỉ đạo, hướng dẫn công tác tuyển sinh, thi, cấp, thu hồi giấy chứng nhận, văn bằng, chứng chỉ;

g) Quản lý các hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường và ngoài nhà trường; chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, an toàn trường học; tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; thực hiện và chỉ đạo thực hiện công tác truyền thông giáo dục trên địa bàn;

h) Chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện hiệu quả chính sách giáo dục hòa nhập theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố; đảm bảo các điều kiện tối thiểu đáp ứng yêu cầu giáo dục hòa nhập tại địa phương; vận động và tổ chức, tạo điều kiện để người khuyết tật học hòa nhập tại cơ sở giáo dục;

i) Hướng dẫn quản lý nhà nước về giáo dục cho Ủy ban nhân dân cấp xã;

j) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng nội dung phối hợp quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục có liên quan của trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông trên địa bàn;

k) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục tổ chức đánh giá mức độ chuyên đổi số của đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý; cập nhật, công bố kết quả đánh giá mức độ chuyên đổi số của cơ sở giáo dục trên cổng thông tin điện tử và các phương tiện thông tin đại chúng bảo đảm tính bảo mật, toàn vẹn và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu giáo dục trong phạm vi được phân quyền;

l) Tổ chức tự đánh giá mức độ chuyên đổi số của cơ quan chuyên môn quản lý giáo dục ở địa phương và chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý tổ chức tự đánh giá mức độ chuyên đổi số theo quy định và bộ chỉ số do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

7. Về kiểm tra trong giáo dục

a) Hướng dẫn, kiểm tra các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục;

b) Kiểm tra việc tuân thủ pháp luật đối với các cơ sở giáo dục thuộc thẩm

quyền quản lý nhà nước của cấp xã;

c) Thực hiện kiểm tra, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo và xử lý vi phạm về giáo dục đối với các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật;

d) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn kiểm tra việc tổ chức và hoạt động của các Trung tâm giáo dục và đào tạo trên địa bàn;

đ) Hướng dẫn kiểm tra việc cấp, sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác cho giáo dục trên địa bàn thành phố;

e) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về chế độ, chính sách đối với đội ngũ viên chức và người lao động tại các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý;

g) Hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với các hệ thống công nghệ thông tin và cơ sở dữ liệu giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý.

8. Khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng các tổ chức, cá nhân có nhiều thành tích trong hoạt động giáo dục tại địa phương.

9. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc cập nhật thông tin, dữ liệu về giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý vào hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, kịp thời và khả năng kết nối, liên thông dữ liệu với các hệ thống quản lý trường học và các cơ sở dữ liệu quốc gia liên quan; thực hiện công tác thống kê, báo cáo định kỳ và đột xuất, công khai trong lĩnh vực giáo dục của địa phương thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định với Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10. Chủ trì tham mưu, trình Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân thành phố, của Sở trong lĩnh vực giáo dục; chủ trì theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã phân cấp.

11. Thực hiện nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Sở gồm Giám đốc Sở và các Phó Giám đốc Sở (số lượng Phó Giám đốc Sở do cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật).

a) Giám đốc Sở là người đứng đầu Sở thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở theo Quy chế làm việc và phân công của Ủy ban nhân dân thành phố, thực hiện nhiệm vụ, thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật;

b) Phó Giám đốc Sở là cấp phó của người đứng đầu Sở thuộc Ủy ban nhân dân thành phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Sở, giúp Giám đốc Sở thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc Sở phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc Sở ủy quyền thay Giám đốc sở điều hành các hoạt động của Sở. Số lượng Phó Giám đốc Sở thực hiện theo quy định của pháp luật và do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

c) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại; cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm; điều động, luân chuyển; khen thưởng, kỷ luật và các chế độ khác có liên quan đối với Giám đốc Sở, Phó Giám đốc Sở được thực hiện theo phân cấp quản lý cán bộ của thành phố và quy định của pháp luật.

2. Phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc Sở

a) Văn phòng;

b) Phòng Tổ chức - Cán bộ;

c) Phòng Kế hoạch - Tài chính;

d) Phòng Quản lý chất lượng;

e) Phòng Giáo dục Trung học;

f) Phòng Giáo dục Mầm non và Giáo dục Tiểu học;

g) Phòng Giáo dục Thường xuyên, Giáo dục Nghề nghiệp và Đại học.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở

a) Các trường Trung học phổ thông (*Chi tiết theo Phụ lục I ban hành kèm Quyết định này*);

b) Các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên (*Chi tiết theo Phụ lục II ban hành kèm Quyết định này*);

c) Trung tâm Giáo dục thường xuyên Hải Phòng;

d) Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Hải Dương;

e) Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Ngoại ngữ, Tin học Hải Dương;

f) Trường Giáo dục chuyên biệt Hải Phòng.

4. Số lượng Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở; cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, điều động, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với các Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng của các phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc Sở, người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở do Giám đốc Sở thực hiện theo quy định của Đảng, Nhà nước và theo ủy quyền, phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức của thành phố.

Điều 4. Biên chế công chức, số lượng người làm việc

1. Biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo được giao trên cơ sở vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ được giao và được Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phân bổ hàng năm trong tổng biên chế công chức, số lượng người làm việc của thành phố được cấp có thẩm quyền giao.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt và định mức số lượng người làm việc theo quy định, hàng năm Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc thuộc Sở theo quy định của pháp luật bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng tổ chức triển khai thi hành Quyết định này.

2. Chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc Sở do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng quy định.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này

Trong quá trình thực hiện, nếu cần sửa đổi, bổ sung Quyết định, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- VP Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TT TU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- UBND TP và các đoàn thể;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Sở, ban, ngành TP; Sở Tư pháp;
- UBND xã, phường, đặc khu;
- Công báo TP; Công TTĐT TP;
- Trung tâm Báo chí và Truyền thông TP;
- Phòng KSTTHC;
- Lưu: VT, GD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng

Phụ lục I
DANH SÁCH TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG (THPT)
TRỰC THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Kèm theo Quyết định số 51 /2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

STT	Tên trường	Ghi chú
1	Trường THPT chuyên Trần Phú	
2	Trường THPT Thái Phiên	
3	Trường THPT Ngô Quyền	
4	Trường THPT Trần Nguyên Hãn	
5	Trường THPT Lê Chân	
6	Trường THPT Hồng Bàng	
7	Trường THPT Lê Hồng Phong	
8	Trường THPT Lê Quý Đôn	
9	Trường THPT Hải An	
10	Trường THPT Kiến An	
11	Trường THPT Đồng Hoà	
12	Trường THPT An Dương	
13	Trường THPT Nguyễn Trãi	
14	Trường THPT Lý Thường Kiệt	
15	Trường THPT Quang Trung	
16	Trường THPT Bạch Đằng	
17	Trường THPT Phạm Ngũ Lão	
18	Trường THPT Lê Ích Mộc	
19	Trường THPT Thủy Sơn	
20	Trường THPT Tiên Lãng	
21	Trường THPT Nhữ Văn Lan	
22	Trường THPT Toàn Thắng	
23	Trường THPT Hùng Thắng	
24	Trường THPT Nguyễn Khuyến	
25	Trường THPT Vĩnh Bảo	
26	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	

STT	Tên trường	Ghi chú
27	Trường THPT Tô Hiệu	
28	Trường THPT Cộng Hiền	
29	Trường THPT An Lão	
30	Trường THPT Quốc Tuấn	
31	Trường THPT Trần Hưng Đạo	
32	Trường THPT Kiến Thụy	
33	Trường THPT Thụy Hương	
34	Trường THPT Nguyễn Đức Cảnh	
35	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	
36	Trường THPT Đồ Sơn	
37	Trường THCS và THPT Lý Thánh Tông	
38	Trường THPT Cát Hải	
39	Trường THPT Cát Bà	
40	Trường THPT Phan Đăng Lưu	
41	Trường THPT chuyên Nguyễn Trãi	
42	Trường THPT Hồng Quang	
43	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	
44	Trường THPT Nguyễn Du	
45	Trường THPT Chí Linh	
46	Trường THPT Phả Lại	
47	Trường THPT Bến Tắm	
48	Trường THPT Trần Phú	
49	Trường THPT Kinh Môn	
50	Trường THPT Nhị Chiểu	
51	Trường THPT Phúc Thành	
52	Trường THPT Kinh Môn II	
53	Trường THPT Kim Thành	
54	Trường THPT Đồng Gia	
55	Trường THPT Kim Thành II	
56	Trường THPT Nam Sách	

STT	Tên trường	Ghi chú
57	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi - Nam Sách	<i>Đổi tên trường</i>
58	Trường THPT Nam Sách II	
59	Trường THPT Thanh Hà	
60	Trường THPT Hà Bắc	
61	Trường THPT Hà Đông	
62	Trường THPT Thanh Bình	
63	Trường THPT Tứ Kỳ	
64	Trường THPT Cầu Xe	
65	Trường THPT Hưng Đạo	
66	Trường THPT Gia Lộc	
67	Trường THPT Đoàn Thượng	
68	Trường THPT Gia Lộc II	
69	Trường THPT Ninh Giang	
70	Trường THPT Quang Trung - Ninh Giang	<i>Đổi tên trường</i>
71	Trường THPT Khúc Thừa Dụ	
72	Trường THPT Thanh Miện	
73	Trường THPT Thanh Miện II	
74	Trường THPT Thanh Miện III	
75	Trường THPT Bình Giang	
76	Trường THPT Kê Sặt	
77	Trường THPT Đường An	
78	Trường THPT Cẩm Giàng	
79	Trường THPT Tuệ Tĩnh	
80	Trường THPT Cẩm Giàng II	

Tổng số: 80 trường THPT ✓

Phụ lục II

DANH SÁCH TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP- GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN (TTGDNN-GDTX) TRỰC THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số **51** /2025/QĐ-UBND ngày **30** tháng **6** năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

STT	Tên Trung tâm GDNN-GDTX	Ghi chú
1	Trung tâm GDNN-GDTX Kinh Môn	
2	Trung tâm GDNN-GDTX Kim Thành	
3	Trung tâm GDNN-GDTX Chí Linh	
4	Trung tâm GDNN-GDTX Nam Sách	
5	Trung tâm GDNN-GDTX Tứ Kỳ	
6	Trung tâm GDNN-GDTX Gia Lộc	
7	Trung tâm GDNN-GDTX Thanh Miện	
8	Trung tâm GDNN-GDTX Ninh Giang	
9	Trung tâm GDNN-GDTX Cẩm Giàng	
10	Trung tâm GDNN-GDTX Bình Giang	
11	Trung tâm GDNN-GDTX Thanh Hà	
12	Trung tâm GDNN-GDTX Hải Dương	

Tổng số: 12 Trung tâm GDNN-GDTX ✓

